

**TỔNG CÔNG TY  
HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Số: 1743/HHVN-CB&DVHH  
V/v Xây dựng chuẩn hóa bộ nguyên tắc  
giá thành xếp dỡ hàng hóa cảng biển  
VIMC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp  
cảng biển có cổ phần, vốn góp chi phối của VIMC.

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-HHVN ngày 19/01/2023 Chương trình hành động năm 2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) liên quan đến nội dung xây dựng hệ thống quản trị, khai thác nguồn lực One System trên nền tảng dữ liệu tập trung và số hóa cụ thể là “*Xây dựng chuẩn hóa bộ nguyên tắc giá thành xếp dỡ hàng hóa cảng biển VIMC mục tiêu số hóa module Giá thành Real time*”

Tổng công ty ban hành bộ nguyên tắc giá thành bốc xếp hàng hóa cảng biển áp dụng cho các doanh nghiệp cảng biển VIMC (*đưa ra nguyên tắc xác định chi phí, tiêu thức phân bổ chi phí cho đơn vị hàng hóa thông qua cảng biển trên từng phương án tác nghiệp xếp dỡ, cơ sở dữ liệu tập hợp trên các ứng dụng phần mềm khai thác, kỹ thuật vật tư, tiền lương, kế toán triển khai số hóa module giá thành*). Nguyên tắc giá thành hướng đến mục tiêu như sau:

+) Chuẩn hóa nguyên tắc xác định giá thành bốc xếp hàng hóa cảng biển áp dụng đồng bộ cho các doanh nghiệp cảng biển VIMC, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng giá thành cho từng phương án tác nghiệp xếp dỡ theo mặt hàng.

+) Công cụ hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát và quản lý chi phí sản xuất kinh doanh hiệu quả, xây dựng đơn giá bán hàng, nâng cao hiệu quả cạnh tranh các dịch vụ của doanh nghiệp với một dịch vụ tương tự của đối thủ và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm dựa trên các nguyên tắc xây dựng giá thành.

+) Cơ sở triển khai thực hiện số hóa module giá thành tích hợp dữ liệu trên phần mềm kế toán của doanh nghiệp hỗ trợ cho công tác kiểm soát và xác định chi phí sxkd kế hoạch hàng năm để quản lý chi phí hiệu quả cho doanh nghiệp đảm bảo tính chính xác và hiệu quả.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP yêu cầu Người đại diện phần vốn của VIMC tại các doanh nghiệp cảng biển có cổ phần, vốn góp chi phối của VIMC phối hợp với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Ban Điều hành Công ty thực hiện các nội dung như sau:

1. Triển khai xây dựng bộ nguyên tắc giá thành đảm bảo kết cấu và đầy đủ nội dung theo bộ nguyên tắc giá thành hàng hóa cảng biển VIMC đính kèm theo văn bản.

2. Trên cơ sở nguyên tắc xác định giá thành doanh nghiệp đã ban hành, lên kế hoạch và có lộ trình triển khai số hóa module giá thành tại doanh nghiệp. Đối với một số doanh nghiệp cảng biển chưa có phần mềm khai thác hàng hóa triển khai xây dựng bộ giá thành theo phương pháp thủ công (excel...)

3. Có báo cáo kết quả thực hiện về việc ban hành nguyên tắc giá thành, kế hoạch triển khai số hóa module giá thành trước ngày 30/11/2023. Báo cáo gửi về Ban CB&DVHH theo địa chỉ email [qlcb@vimc.co](mailto:qlcb@vimc.co).

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thông báo để Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp cảng biển có cổ phần, vốn góp chi phối của VIMC biết để triển khai thực hiện.

*(Nếu có vướng mắc trong quá trình triển khai xây dựng bộ nguyên tắc giá thành, liên hệ đ/c Nguyễn Ngọc Thùy Dung Chuyên viên Ban CB&DVHH, email [Dungnnt@vimc.co](mailto:Dungnnt@vimc.co), SĐT 0978.618.015)*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- P.TGĐ L.Q.Trung ;
- Lưu: VT, TGD, CB&DVHH, Dnnt;

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Cảnh Tĩnh**

## **TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**

# **NGUYÊN TẮC CHUNG**

## **XÂY DỰNG GIÁ THÀNH BỐC XẾP HÀNG HÓA ÁP DỤNG TẠI CẢNG BIỂN VIMC**

**Hà Nội, tháng 10, năm 2023**

## MỤC LỤC

<b><u>CHƯƠNG 1: PHƯƠNG ÁN TÁC NGHIỆP XẾP DỠ HÀNG HÓA</u></b>	<b>1</b>
<b><u>I. Phương án tác nghiệp xếp dỡ</u></b>	<b>1</b>
<b><u>1. Hàng container</u></b>	<b>1</b>
<b><u>2. Hàng sắt thép</u></b>	<b>1</b>
<b><u>3. Hàng dầm gỗ</u></b>	<b>2</b>
<b><u>II. Chi phí sản xuất xác định giá thành theo tác nghiệp xếp dỡ</u></b>	<b>3</b>
<b><u>1. Đơn vị tính toán/định mức/phân bổ</u></b>	<b>3</b>
<b><u>2. Các chi phí sản xuất xuất kinh doanh</u></b>	<b>3</b>
<b><u>CHƯƠNG 2: NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHI PHÍ GIÁ THÀNH HÀNG HÓA CẢNG BIỂN</u></b>	<b>5</b>
<b><u>I. Chi phí nhân công</u></b>	<b>5</b>
<b><u>1. Chi phí lương</u></b>	<b>5</b>
<b><u>1.1 Nguyên tắc xác định chi phí lương</u></b>	<b>5</b>
<b><u>1.2 Tiêu thức phân bổ chi phí lương</u></b>	<b>5</b>
<b><u>2. Chi phí thuê ngoài nhân công</u></b>	<b>6</b>
<b><u>2.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê ngoài nhân công</u></b>	<b>6</b>
<b><u>2.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê ngoài nhân công cho một đơn vị hàng hóa</u></b>	<b>6</b>
<b><u>3. Kinh phí công đoàn (KPCĐ)</u></b>	<b>6</b>
<b><u>3.1 Nguyên tắc xác định KPCĐ</u></b>	<b>6</b>
<b><u>3.2 Tiêu thức phân bổ KPCĐ</u></b>	<b>6</b>
<b><u>4. Chi phí bảo hiểm (xã hội, y tế, thất nghiệp)</u></b>	<b>7</b>
<b><u>4.1 Nguyên tắc xác định chi phí bảo hiểm</u></b>	<b>7</b>
<b><u>4.2 Tiêu thức phân bổ</u></b>	<b>7</b>
<b><u>III. Chi phí cho phương tiện, thiết bị vật tư sản xuất</u></b>	<b>7</b>
<b><u>1. Chi phí khấu hao phương tiện, thiết bị, công cụ vật tư (PTTB)</u></b>	<b>7</b>
<b><u>1.1 Nguyên tắc xác định chi phí khấu hao PTTB</u></b>	<b>7</b>
<b><u>1.2 Tiêu thức phân bổ chi phí khấu hao PTTB</u></b>	<b>8</b>

<b><u>2. Chi phí nhiên liệu tiêu hao sản xuất</u></b> .....	8
<b><u>2.1 Nguyên tắc định mức nhiên liệu tiêu hao</u></b> .....	8
<b><u>2.2 Tiêu thức phân bổ chi phí nhiên liệu cho một đơn vị hàng hóa</u></b> .....	9
<b><u>3. Chi phí điện năng tiêu hao sản xuất</u></b> .....	9
<b><u>3.1 Nguyên tắc định mức điện năng tiêu hao</u></b> .....	9
<b><u>3.2 Tiêu thức phân bổ chi phí điện năng cho một đơn vị hàng hóa</u></b> .....	9
<b><u>4. Chi phí sửa chữa phương tiện thiết bị vật tư sản xuất</u></b> .....	9
<b><u>4.1 Nguyên tắc xác định chi phí sửa chữa phương tiện thiết bị vật tư</u></b> .....	9
<b><u>4.2 Tiêu thức phân bổ chi phí sửa chữa, thiết bị vật tư</u></b> .....	10
<b><u>5. Chi phí thuê ngoài phương tiện thiết bị công cụ sản xuất</u></b> .....	10
<b><u>5.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê ngoài phương tiện thiết bị, công cụ</u></b> .....	10
<b><u>5.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê ngoài phương tiện thiết bị, công cụ</u></b> .....	11
<b><u>6. Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư, nguyên vật liệu sản xuất (CCDV-VT)</u></b> .....	11
<b><u>6.1 Nguyên tắc xác định chi phí CCDC-VT</u></b> .....	11
<b><u>6.2 Tiêu thức phân bổ chi phí CCDC-VT</u></b> .....	11
<b><u>7. Chi phí kiểm định trang thiết bị sản xuất</u></b> .....	11
<b><u>7.1 Nguyên tắc xác định chi phí kiểm định trang thiết bị</u></b> .....	11
<b><u>7.2 Tiêu thức phân bổ chi phí kiểm định trang thiết bị sản xuất</u></b> .....	11
<b><u>8. Chi phí bảo hiểm phương tiện, thiết bị</u></b> .....	12
<b><u>8.1 Nguyên tắc xác định chi phí bảo hiểm trang thiết bị</u></b> .....	12
<b><u>8.2 Tiêu thức phân bổ chi phí bảo hiểm trang thiết bị</u></b> .....	12
<b><u>III. Chi phí giá thành cơ sở hạ tầng</u></b> .....	12
<b><u>1. Chi phí khấu hao cầu bến</u></b> .....	12
<b><u>1.1 Nguyên tắc xác định chi phí khấu hao cầu bến</u></b> .....	12
<b><u>1.2 Tiêu thức phân bổ chi phí khấu hao cầu bến cho một đơn vị hàng hóa</u></b> .....	12
<b><u>2. Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (cầu bến...)</u></b> .....	13
<b><u>2.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê cơ sở hạ tầng</u></b> .....	13
<b><u>2.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê cơ sở hạ tầng</u></b> .....	13
<b><u>3. Chi phí thuê hạ tầng (đường cho xe vận tải đi qua)</u></b> .....	13

<b><u>3.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê hạ tầng</u></b>	13
<b><u>3.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê hạ tầng</u></b>	13
<b><u>4. Chi phí nạo vét</u></b>	14
<b><u>4.1. Nguyên tắc xác định chi phí nạo vét</u></b>	14
<b><u>4.2 Tiêu thức phân bổ chi phí nạo vét cho một đơn vị hàng hóa</u></b>	14
<b><u>5. Chi phí thuê mặt nước</u></b>	14
<b><u>5.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê mặt nước</u></b>	14
<b><u>5.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê mặt nước hoạt động bốc xếp cho một đơn vị hàng hóa</u></b>	14
<b><u>IV. Chi phí chi phí sản xuất kinh doanh chung</u></b>	15
<b><u>1. Nguyên tắc xác định</u></b>	15
<b><u>2. Tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh chung</u></b>	16
<b><u>CHƯƠNG 3: CƠ SỞ DỮ LIỆU SỐ HÓA MODULE GIÁ THÀNH HÀNG HÓA CẢNG BIỂN</u></b>	17
<b><u>A. GIỚI THIỆU MODULE GIÁ THÀNH</u></b>	17
<b><u>B. TÍNH NĂNG THIẾT LẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU TRÊN CÁC PHẦN MỀM</u></b>	18
<b><u>I. Phần mềm khai thác hàng hóa</u></b>	18
<b><u>II. Phần mềm tiền lương</u></b>	19
<b><u>III. Phần mềm quản lý phương tiện thiết bị, công cụ, vật tư sửa chữa, nhiên liệu</u></b>	20
<b><u>IV. Phần mềm kế toán (Module giá thành)</u></b>	21
<b><u>V. Phần mềm quản trị doanh nghiệp</u></b>	26
<b><u>PHỤ LỤC</u></b>	26

## CHƯƠNG 1: PHƯƠNG ÁN TÁC NGHIỆP XẾP DỠ HÀNG HÓA

### I. Phương án tác nghiệp xếp dỡ

Căn cứ vào quy trình chuẩn ban hành tại các doanh nghiệp làm cơ sở để thống kê các phương án tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa theo từng mặt hàng tại từng doanh nghiệp, từ phương án xếp dỡ hàng hóa sẽ xác định các chi phí phát sinh trong quá trình làm hàng bao gồm:

- +) Chi phí phương tiện thiết bị, công cụ, vật tư bốc xếp hàng hóa
- +) Chi phí cơ sở hạ tầng (Cầu, bến...)
- +) Chi phí nhân lực (đơn giá lương...)
- +) Chi phí khác

#### 1. Hàng container

Phương án tác nghiệp xếp dỡ hàng container xác định mức nhân lực và phương tiện thiết bị, công cụ vật tư tham gia xếp dỡ hàng container.

STT	Phương án xếp dỡ	Định mức nhân lực					Phương tiện thiết bị			
		Chỉ đạo tàu (người/tàu)	Chỉ đạo bãi	Giao nhận/ Chăm bay (người/máng)	Công nhân xếp dỡ (người/máng)	Tín hiệu (người/máng)	Cần trục (chi tiết theo từng loại)	Cầu giàn RTG	Xe nâng RS	Xe v/c (xe/máng)
1	Tàu -> Cần trục -> Xe vận chuyển -> RTG/RS -> Bãi	1		1	4	1	1	2-3	1-2	4-6
2	Bãi -> RTG/RS -> Xe vận chuyển -> Cần trục -> Tàu	1		2	4	1	1	2-3	1	4-6
3	Phương tiện chủ hàng -> Cần trục -> Tàu (Xuất tàu shipside)	1		1	4	1	1			8-15
4	Bãi -> RTG/RS -> Cảng/depot ngoài cảng (Xuất tàu - shipside cảng khác)		1	1				1	1	6-8
5	Xe chủ hàng -> RTG/RS -> Bãi			2				1	1	
6	Bãi -> RTG/RS -> Xe chủ hàng			1				1	1	

#### 2. Hàng sắt thép

Phương án tác nghiệp xếp dỡ hàng sắt thép xác định mức nhân lực và phương tiện thiết bị, công cụ vật tư tham gia xếp dỡ hàng sắt thép.

STT	Phương án xếp dỡ	Định mức nhân lực				Phương tiện thiết bị				
		Chỉ đạo tàu (người/ tàu)	Giao nhận/ Kho hàng (người/ máng)	Công nhân xếp dỡ (người/ máng)	Tín hiệu (người/ máng)	Cần trục	Cầu tàu	Cần trục bãi	Xe nâng	Xe vận chuyển
<b>I</b>	<b>PHƯƠNG ÁN NHẬP</b>									
1	Tàu/Sà lan -> Cầu tàu -> Xe chủ hàng	1	1	4-6	1		1		1	Theo năng suất xếp dỡ
2	Tàu/Sà lan -> Cầu trục -> Xe chủ hàng	1	1	4-6	1	1			1	
3	Tàu/Sà lan -> Cầu tàu -> Cầu cảng -> Xe nâng -> Xe chủ hàng	1	1	4-6	1		1		2	
4	Tàu/Sà lan -> Cầu trục -> Cầu cảng -> Xe nâng -> Xe chủ hàng	1	1	4-6	1	1			2	
5	Tàu/Sà lan -> Cần tàu -> Sà lan chủ hàng	1	1	4-6	1		1		1	
6	Tàu/Sà lan -> Cần trục -> Sà lan chủ hàng	1	1	4-6	1	1			1	
7	Tàu -> Cần tàu -> Xe vận chuyển -> Xe nâng -> Kho/bãi	1	2-3	4-7	1		1		2	2-4
8	Tàu -> Cầu trục -> Xe vận chuyển -> Xe nâng -> Kho/bãi	1	2-3	4-7	1	1			2	2-4
9	Tàu -> Cần tàu -> Cầu cảng -> Xe nâng -> Xe vận chuyển -> Xe nâng -> Kho/bãi	1	2-3	4-7	1		1		2	2-4
10	Tàu -> Cần trục -> Cầu cảng -> Xe nâng -> Xe vận chuyển -> Xe nâng -> Kho/bãi	1	2-3	4-7	1	1			2	2-4
11	Tàu -> Cần tàu -> Xe vận chuyển -> Cần trục (bãi) -> Kho/bãi	1	2-3	4-8	1		1	1	1	2-4
12	Tàu -> Cần trục -> Xe vận chuyển -> Cần trục (bãi) -> Kho/bãi	1	2-3	4-8	1	2			1	2-4
<b>II</b>	<b>PHƯƠNG ÁN XUẤT</b>									
1	Xe vận chuyển -> Cần tàu -> Tàu (Sà Lan)	1	1	4-6	1		1		1	Theo năng suất xếp dỡ
2	Xe vận chuyển -> Cần trục -> Tàu (Sà Lan)	1	1	4-6	1	1			1	
3	Sà Lan -> Cần tàu -> Tàu (Sà lan)	1	1	4-6	1		1		1	
4	Sà Lan -> Cần trục -> Tàu (Sà lan)	1	1	4-6	1	1			1	
5	Kho/bãi -> Xe nâng -> Xe vận chuyển -> Cần tàu -> Tàu (Sà lan)	1	2	4-6	1		1		2	
6	Kho/Bãi -> Xe nâng -> Xe vận chuyển -> Cần trục -> Tàu (Sà lan)	1	2	4-6	1	1			2	2-4
7	Kho/Bãi -> Cần trục (bãi) -> Xe vận chuyển -> cầu tàu -> Tàu	1	2	4-8	1			1	1	2-4
8	Kho/Bãi -> Cần trục (bãi) -> Xe vận chuyển -> cầu trục -> Tàu	1	2	4-8	1	1		1	1	2-4
9	Kho/Bãi -> Xe nâng -> Xe chủ hàng		1						1	Kế hoạch đăng ký với Cảng
10	Kho/Bãi -> cầu trục -> Xe chủ hàng		1	2	1			1		

### 3. Hàng dầm gỗ

Phương án tác nghiệp xếp dỡ hàng dầm gỗ xác định định mức nhân lực và phương tiện thiết bị, công cụ vật tư tham gia xếp dỡ hàng dầm gỗ.



STT	Phương án xếp dỡ	Định mức nhân lực				Phương tiện thiết bị					
		Chỉ đạo tàu (người/ tàu)	Giao nhận (người/m áng)	Công nhân xếp dỡ (người/ máng)	Tín hiệu (người/ máng)	Cần trục	Cần tàu	Cầu nâng/ Băng tải	Xe nâng	Xe ủi xe/máng	Xe vận chuyển
1	Xe chủ hàng - Tàu (sử dụng ngáng đơn mở đáy 1 thùng container 20')										
1.1	Xe chủ hàng - Cần trục/Cần tàu - hầm tàu - mở đáy	1	1	4	1	1	1			2	Theo KH cam kết với Cảng
1.2	Xe chủ hàng - Cần trục/Cần tàu - hầm tàu - xả đáy	1	1	4	1		1			2	
2	Xe chủ hàng - Tàu (sử dụng ngáng đôi xả đáy 2 thùng container 20')										
2.1	Xe chủ hàng - Cần trục - hầm tàu - xả đáy	1	1	8	1					2	Theo KH cam kết với Cảng
3	Xe chủ hàng - Tàu (sử dụng ngáng xả đáy 1 thùng container 40')										
3.1	Xe chủ hàng - Cần trục - hầm tàu - xả đáy	1	1	4	1					2	Theo KH cam kết với Cảng
4	Xe chủ hàng - Tàu (sử dụng băng tải)										
4.1	Xe chủ hàng - Cầu nâng - Băng tải - Tàu	1	1	7				4	1	2	Theo KH cam kết với Cảng
4.2	Bãi - băng tải - Tàu	1	1	6				1	1	2	

➤ **Ghi chú:** Phương án tác nghiệp xếp dỡ các mặt hàng nêu trên được trích dẫn từ Mẫu quy trình chuẩn xếp dỡ hàng container, sắt thép, dăm gỗ đã được VIMC ban hành. Đối với các doanh nghiệp xây dựng theo phương án tác nghiệp xếp dỡ tại quy trình xếp dỡ hàng hóa doanh nghiệp ban hành.

## II. Chi phí sản xuất xác định giá thành theo tác nghiệp xếp dỡ

### 1. Đơn vị tính toán/định mức/phân bổ

- Hàng Container : Đồng/cont
- Hàng Ngoài container : Đồng/tấn

### 2. Các chi phí sản xuất xuất kinh doanh

Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh được xác định theo phương án tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa cụ thể như sau:

STT	Chi phí
<b>I</b>	<b>Chi phí nhân công sản xuất</b>
1	Chi phí lương (đơn giá lương định mức, lương hiệu quả)
2	Chi phí nhân công thuê ngoài
3	Kinh phí công đoàn trích theo lương (KPCĐ)
4	Bảo hiểm (xã hội, y tế, thất nghiệp)

STT	Chi phí
<b>II</b>	<b>Chi phí phương tiện thiết bị, công cụ vật tư sản xuất (PTTB)</b>
1	Chi phí khấu hao PTTB
2	Chi phí nhiên liệu tiêu hao sản xuất
3	Chi phí điện năng tiêu hao sản xuất
4	Chi phí sửa chữa phương tiện thiết bị vật tư sản xuất
5	Chi phí thuê ngoài phương tiện, thiết bị, công cụ sản xuất
6	Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư, nguyên vật liệu sản xuất (CCDC-VT)
7	Chi phí kiểm định trang thiết bị sản xuất
8	Chi phí bảo hiểm phương tiện, thiết bị sản xuất
<b>III</b>	<b>Chi phí cơ sở hạ tầng</b>
1	Chi phí khấu hao cầu bến
2	Chi phí thuê hạ tầng (cầu, bến...)
3	Chi phí thuê hạ tầng (đường cho xe vận tải đi qua)
4	Chi phí nạo vét
5	Chi phí thuê mặt nước
<b>IV</b>	<b>Chi phí sản xuất chung</b>
	Chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm các chi phí nằm ngoài các chi phí nêu trên ( <i>Tiền thuê đất; chi phí đăng kiểm cầu bến; chi phí khấu hao tài sản sản xuất kinh doanh chung (nhà điều hành...); chi phí điện, nước; chi phí nhân công sản xuất chung; Chi phí ăn giữa ca bồi dưỡng độc hại, nước uống hiện trường, bảo hộ lao động; chi phí sx chung khác ...</i> )

## CHƯƠNG 2: NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHI PHÍ GIÁ THÀNH HÀNG HÓA CẢNG BIỂN

### I. Chi phí nhân công

#### 1. Chi phí lương

##### 1.1 Nguyên tắc xác định chi phí lương

###### ❖ Lương định mức

- *Xây dựng đơn giá tiền lương cho từng vị trí theo phương án xếp dỡ bao gồm:*

- +) Công nhân bốc xếp
- +) Công nhân lái cầu bờ/chân đế/ QC/RTG/RS
- +) Công nhân lái ô tô
- +) Công nhân lái xe nâng, xe xúc, xe đào
- +) Nhân viên giao nhận, kho hàng, bãi cont
- +) Lương chỉ đạo tàu, chỉ đạo bãi
- +) Lương công nhân tín hiệu
- +) Định mức công nhân dọn hầm, công nhật: Áp dụng đơn giá định mức nhân công dọn hầm, công nhật tham gia vào tác nghiệp làm hàng.

- *Nguyên tắc chung về việc xây dựng đơn giá tiền lương bao gồm:*

- +) Theo quy định chung của Luật lao động (lương tối thiểu vùng ....)
  - +) Theo quy định tại quy chế lương của doanh nghiệp
  - +) Định mức lao động phương án xếp dỡ xác định theo định biên của từng phương án tác nghiệp xếp dỡ đối với từng mặt hàng
  - +) Trang thiết bị, phương tiện sản xuất
  - +) Đánh giá hao phí lao động
  - +) Trình độ tay nghề đáp ứng được trang thiết bị công nghệ
  - +) Mức độ phức tạp trong chuyên môn sản xuất
  - +) Mặt bằng lương trong thị trường khu vực
- *Lưu ý: Nếu có sự thay đổi hoặc điều chỉnh về các yếu tố trên sẽ điều chỉnh lại đơn giá tiền lương cho phù hợp.*

###### ❖ Lương hiệu quả sản xuất

Lương hiệu quả sản xuất được xác định theo quy định đánh giá lương hiệu quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chi phí lương hiệu quả xác định theo tỷ lệ tổng tiền lương sản phẩm đã chi trả cho lao động trực tiếp sản xuất.

##### 1.2 Tiêu thức phân bổ chi phí lương

###### ❖ Tiêu thức phân bổ chi phí lương định mức

Phân bổ chi phí lương định mức theo đơn giá tiền lương đã xác định theo phương án tác nghiệp xếp dỡ đối với từng mặt hàng

❖ **Tiêu thức phân bổ chi phí lương hiệu quả cho một đơn vị hàng hóa**

**CP lương hiệu quả cho một đvhh = CP lương định mức x Tỷ lệ chi phí lương hiệu quả**

➤ **Trong đó:**

$$\text{Tỷ lệ CP lương hiệu quả} = \frac{\text{Tổng quỹ lương TH năm trước} - \text{Tổng lương sp năm trước}}{\text{Tổng lương sản phẩm năm trước}}$$

## **2. Chi phí thuê ngoài nhân công**

### **2.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê ngoài nhân công**

- +) Theo định mức công nhân bố trí tham gia tác nghiệp theo phương án xếp dỡ
- +) Theo Hợp đồng thuê nhân công quy định đơn giá thuê/đơn vị hàng hóa theo từng phương án xếp dỡ đối với từng mặt hàng.
- +) Đơn giá thuê được xác định trên các tiêu chí sau:
  - Tổ chức thực hiện việc chào giá bốc xếp bao gồm nhân công theo từng phương án xếp dỡ đối với từng loại mặt hàng.
  - Lựa chọn các đơn vị chào giá là các đơn vị đã cung cấp dịch vụ bốc xếp trong nhiều năm, có kinh nghiệm, tay nghề chuyên môn cao, chi phí phù hợp đảm bảo hiệu quả khai thác tối ưu.

### **2.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê ngoài nhân công cho một đơn vị hàng hóa**

Phân bổ chi phí thuê ngoài theo đơn giá thuê/đơn vị hàng hóa đối với từng phương án xếp dỡ được quy định trong hợp đồng.

## **3. Kinh phí công đoàn (KPCĐ)**

### **3.1 Nguyên tắc xác định KPCĐ**

Kinh phí công đoàn là nguồn tài trợ cho hoạt động đoàn ở các cấp và theo pháp luật hiện hành thì kinh phí công đoàn được trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương mà đơn vị sử dụng lao động phải trả cho người lao động

Tỷ lệ trích KPCĐ có thể điều chỉnh hàng năm theo quy định của Luật công đoàn.

Hiện tại, theo quy định tại Điều 5 Nghị định 191/2013/NĐ-CP quy định mức đóng kinh phí công đoàn của doanh nghiệp như sau:

**Mức đóng = 2% x Quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho người lao động**

### **3.2 Tiêu thức phân bổ KPCĐ**

❖ **Phân bổ kinh phí công đoàn cho một đơn vị hàng hóa như sau:**

**KPCĐ cho một đvhh = A% x Đơn giá lương kế hoạch từng tác nghiệp**

➤ Trong đó:

$$A\% = \frac{\text{Tỷ lệ trích KPCĐ x Tổng chi phí lương đóng hiểm}}{\text{Tổng quỹ lương kế hoạch}}$$

**4. Chi phí bảo hiểm (xã hội, y tế, thất nghiệp)**
**4.1 Nguyên tắc xác định chi phí bảo hiểm**

Xác định chi phí bảo hiểm theo quy định của Bảo hiểm xã hội,

Tỷ lệ trích bảo hiểm thực hiện theo quy định của Bảo hiểm xã hội (*tỷ lệ trích bảo hiểm có thể điều chỉnh hàng năm theo quy định*)

Hiện tại tỷ lệ trích bảo hiểm xã hội được quy định cụ thể như sau:

STT	Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí doanh nghiệp	Trích vào lương của NLĐ	Tổng
1	Bảo hiểm xã hội	17,5%	8%	<b>25,5%</b>
2	Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	<b>4,5%</b>
3	Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%	<b>2%</b>
<b>Tổng các khoản bảo hiểm</b>		<b>21,5%</b>	<b>10,5%</b>	<b>32%</b>

**4.2 Tiêu thức phân bổ**

❖ Phân bổ chi phí bảo hiểm cho một đơn vị hàng hóa như sau:

$$\text{CP bảo hiểm cho một đvhh} = A\% \times (\text{Đơn giá lương định mức} + \text{Lương hiệu quả})$$

➤ Trong đó:

$$A\% = \frac{\text{Tỷ lệ trích bảo hiểm x Tổng chi phí lương đóng bảo hiểm}}{\text{Tổng quỹ lương kế hoạch}}$$

**III. Chi phí cho phương tiện, thiết bị vật tư sản xuất**
**1. Chi phí khấu hao phương tiện, thiết bị, công cụ vật tư (PTTB)**
**1.1 Nguyên tắc xác định chi phí khấu hao PTTB**

Thời gian khấu hao theo quy định tại “*Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”. Tùy vào điều kiện từng đơn vị lựa chọn phương pháp khấu hao và thời gian khấu hao để xác định chi phí khấu hao/năm đảm bảo thực hiện trích khấu hao theo đúng các quy định.

+) Chi phí khấu hao kế hoạch năm theo PTTB (nhóm PTTB)

+) Thống kê sản lượng mặt hàng thực hiện năm trước liền kề theo PTTB (nhóm PTTB)

- + ) Tổng sản lượng thực hiện năm trước liền kề
- + ) Tỷ lệ tổng sản lượng mặt hàng kế hoạch năm
- + ) Tổng sản lượng kế hoạch năm theo từng theo PTTB (nhóm PTTB)

## 1.2 Tiêu thức phân bổ chi phí khấu hao PTTB

- Phương án xếp dỡ sử dụng đến phương tiện thiết bị nào thì thực hiện phân bổ chi phí khấu hao của loại phương tiện thiết bị đó vào phương án xếp dỡ.

- Tiêu thức theo Sản lượng kế hoạch từng mặt hàng phân bổ theo PTTB (nhóm PTTB).

❖ **Phân bổ chi phí khấu hao PTTB cho một đơn vị hàng hóa như sau:**

$$\text{CP khấu hao PTTB cho một đvhh} = \frac{\text{CP khấu hao KH theo PTTB(nhóm PTTB)}}{\text{Tổng sản lượng KH theo PTTB(nhóm PTTB)}}$$

### ➤ Trong đó:

+ ) Khấu hao kế hoạch PTTB được xác định dựa trên tổng chi phí khấu hao kế hoạch của từng PTTB

+ ) Khấu hao kế hoạch theo nhóm PTTB được xác định dựa trên tổng chi phí khấu hao kế hoạch của toàn bộ PTTB trong nhóm.

+ ) Tổng sản lượng kế hoạch theo PTTB (nhóm PTTB) được xác định như sau:

$$\text{Tổng sản lượng TH năm trước PTTB (nhóm PTTB)} \times \frac{\text{Tổng sản lượng KH}}{\text{Tổng sản lượng TH năm trước}}$$

## 2. Chi phí nhiên liệu tiêu hao sản xuất

### 2.1 Nguyên tắc định mức nhiên liệu tiêu hao

- Căn cứ quy trình tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa để xác định tác nghiệp của phương tiện, thiết bị theo từng loại mặt hàng.

- Tính toán dựa trên số liệu thống kê trong một khoản thời gian nhất định (ít nhất 3 năm trở lên) kết hợp thực tế với tài liệu kỹ thuật của phương tiện thiết bị.

- Trong quá trình thực hiện, khoảng 3 đến 6 tháng căn cứ vào số liệu thực tế để xem xét điều chỉnh nếu cần thiết.

### ❖ Các bước thực hiện:

+ ) Phương pháp định mức: Căn cứ vào quy trình tác nghiệp, theo số liệu thống kê tiêu hao nhiên liệu thực tế trong 3 năm liên tiếp (36 tháng) cho từng phương tiện thiết bị và căn cứ vào quy định của nhà sản xuất để xây dựng định mức tạm thời cho từng loại phương tiện thiết bị.

+ ) Chọn phương tiện cần định mức (có thể áp dụng đối chiếu với các phương tiện có thông số kỹ thuật tương đương cùng điều kiện làm việc tại doanh nghiệp làm đối chiếu định mức)



+) Tiến hành cấp nhiên liệu, theo dõi trực tiếp (*thực hiện cho từng tác vụ, cho từng loại mặt hàng*).

+) Thời gian theo dõi và thống kê số liệu trong 1 ca, 1 ngày, 1 tuần hoặc hơn tùy phương tiện.

+) Các bước theo dõi được lặp đi lặp lại 5-10 lần

+) Sau đó thống kê số liệu (*sản lượng, nhiên liệu, giờ hoạt động, loại hàng hóa*) và đưa ra định mức ban hành.

+) Trong quá trình thực hiện, khoảng 3 đến 6 tháng căn cứ vào số liệu thực tế để xem xét điều chỉnh nếu cần thiết.

## **2.2 Tiêu thức phân bổ chi phí nhiên liệu cho một đơn vị hàng hóa**

Tiêu thức phân bổ chi phí nhiên liệu theo định mức/đơn vị hàng hóa các doanh nghiệp xây dựng và ban hành áp dụng.

### **3. Chi phí điện năng tiêu hao sản xuất**

#### **3.1 Nguyên tắc định mức điện năng tiêu hao**

- Lắp đặt các thiết bị phục vụ đo đếm giám sát lượng điện năng tiêu thụ trên từng thiết bị hoặc đo đặt tại các trạm biến áp (phục vụ cho các PTTB sử dụng điện). Tiến hành thu thập dữ liệu và thông tin sau một khoảng thời gian nhất định, trên cơ sở số liệu thu thập tính toán định mức tiêu hao điện năng của từng thiết bị.

- Thu thập số liệu bao gồm: Loại hàng hóa, sản lượng, thời gian thực hiện cho từng tác nghiệp.

- Trong quá trình thực hiện, khoảng 6 tháng đến 1 năm căn cứ vào số liệu thực tế để xem xét điều chỉnh nếu cần thiết.

#### **3.2 Tiêu thức phân bổ chi phí điện năng cho một đơn vị hàng hóa**

Tiêu thức phân bổ chi phí điện năng theo định mức/đơn vị hàng hóa doanh nghiệp xây dựng và ban hành áp dụng.

### **4. Chi phí sửa chữa phương tiện thiết bị vật tư sản xuất**

#### **4.1 Nguyên tắc xác định chi phí sửa chữa phương tiện thiết bị vật tư**

Hàng năm xây dựng kế hoạch sửa chữa/bảo dưỡng dựa trên các nguyên tắc:

+) Căn cứ trên quy định sửa chữa bảo dưỡng phương tiện thiết bị, hệ thống điện, công cụ bốc xếp.

+) Căn cứ trên định mức sử dụng nhiên liệu, tài liệu kỹ thuật, khuyến cáo của nhà sản xuất.

+) Căn cứ tình hình thực tế của từng phương tiện thiết bị.

+) Căn cứ vào kế hoạch sản lượng được giao

Từ các căn cứ trên mỗi doanh nghiệp sẽ xây dựng kế hoạch, chi phí sửa chữa bảo dưỡng bao gồm:

❖ **Sửa chữa lớn (sửa chữa kế hoạch):**

+) Căn cứ trên quy định sửa chữa bảo dưỡng phương tiện thiết bị, hệ thống điện, công cụ bốc xếp, căn cứ trên khảo sát tình trạng thực tế thiết bị cuối năm trước để lên kế hoạch năm sau.

+) Căn cứ trên định mức sử dụng nhiên liệu, tài liệu kỹ thuật, khuyến cáo của nhà sản xuất.

❖ **Sửa chữa nhỏ/đột xuất:** Căn cứ quy định bảo dưỡng, sửa chữa PTTB, căn cứ vào tình trạng thực tế của phương tiện thiết bị

❖ **Bảo dưỡng:** Theo quy định của nhà sản xuất để lập kế hoạch bảo dưỡng, kế hoạch chi phí bảo dưỡng hàng năm của Cảng.

❖ **Tiêu thức phân bổ chi phí sửa chữa/bảo dưỡng phương tiện thiết bị:** Phân bổ chi phí căn cứ vào sản lượng thống kê, giờ hoạt động và dự kiến sản lượng trong giai đoạn tính toán đối với từng phương tiện thiết bị.

#### 4.2 Tiêu thức phân bổ chi phí sửa chữa, thiết bị vật tư

Phân bổ chi phí căn cứ vào sản lượng thống kê và sản lượng dự kiến trong giai đoạn tính toán đối với PTTB (nhóm PTTB).

Phân bổ chi phí căn cứ vào sản lượng thống kê, giờ hoạt động và dự kiến sản lượng trong giai đoạn tính toán đối với từng phương tiện thiết bị hoặc nhóm phương tiện thiết bị.

$$\text{CP sửa chữa cho một đvhh} = \frac{\text{CP sửa chữa KH theo PTTB(nhóm PTTB)}}{\text{Tổng sản lượng KH theo PTTB(nhóm PTTB)}}$$

#### ➤ Trong đó:

Chi phí sửa chữa kế hoạch theo PTTB (nhóm PTTB): được xác định dựa trên tổng chi phí sửa chữa kế hoạch của từng PTTB hoặc toàn bộ PTTB trong nhóm.

$$\text{Tổng sản lượng TH năm trước PTTB (nhóm PTTB)} \times \frac{\text{Tổng sản lượng KH}}{\text{Tổng sản lượng TH năm trước}}$$

### 5. Chi phí thuê ngoài phương tiện thiết bị công cụ sản xuất

#### 5.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê ngoài phương tiện thiết bị, công cụ

Căn cứ vào kế hoạch sản lượng, kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị phương tiện, kế hoạch sửa chữa PTTB và khả năng đáp ứng khai thác của PTTB hiện tại từ đó lập kế hoạch thuê thiết bị trong năm.

Dữ liệu được thống kê dựa trên cơ sở số liệu của 3 năm liền kề trước đó. Bộ phận Khai thác – cơ giới phối hợp để thống nhất phương án; thiết bị sẽ thuê.

Hợp đồng thuê ngoài phương tiện thiết bị quy định đơn giá thuê/đơn vị hàng hóa theo từng phương án tác nghiệp xếp dỡ.

Xác định đơn giá thuê theo nguyên tắc sau: Đơn giá thuê ngoài trang thiết bị được thực hiện thông qua chào giá của các nhà cung cấp.



## 5.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê ngoài phương tiện thiết bị, công cụ

Phân bổ chi phí thuê ngoài phương tiện thiết bị được xác định theo từng loại trang thiết bị; đơn giá thuê/đơn vị hàng hóa quy định tại hợp đồng thuê ngoài phương tiện thiết bị sản xuất

## 6. Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư, nguyên vật liệu sản xuất (CCDV-VT)

### 6.1 Nguyên tắc xác định chi phí CCDC-VT

- +) Sản lượng kế hoạch hàng năm của từng loại mặt hàng
- +) Tình hình thực tế công cụ, dụng cụ, vật tư, nguyên liệu của các doanh nghiệp
- +) Định mức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư (định mức ban hành)
- +) Tài liệu kỹ thuật, khuyến cáo nhà sản xuất
- +) Thống kê số liệu ít nhất 1-2 năm đối với từng mặt hàng, và tác nghiệp.
- +) Phần mềm theo dõi quản lý để có đầy đủ cơ sở dữ liệu cho việc ban hành định mức công cụ dụng cụ.
- +) Kế hoạch mua sắm bổ sung hàng năm căn cứ vào số lượng kiểm kê hàng năm và nhu cầu cho kế hoạch năm liền kề.

### 6.2 Tiêu thức phân bổ chi phí CCDC-VT

Phân bổ chi phí theo định mức kỹ thuật ban hành áp dụng tại các doanh nghiệp

## 7. Chi phí kiểm định trang thiết bị sản xuất

### 7.1 Nguyên tắc xác định chi phí kiểm định trang thiết bị

Căn cứ vào thời hạn kiểm định của các phương tiện thiết bị, phí kiểm định của từng loại phương tiện thiết bị, xây dựng chi phí kiểm định hàng năm phân bổ vào phương tiện thiết bị tương tự như phân bổ khấu hao.

- +) Chi phí kiểm định kế hoạch năm theo PTTB (nhóm PTTB)
- +) Thống kê sản lượng mặt hàng thực hiện năm trước liền kề của theo PTTB (hoặc nhóm PTTB)
- +) Tỷ lệ Tổng sản lượng mặt hàng kế hoạch năm
- +) Tổng sản lượng thực hiện năm trước liền kề
- +) Sản lượng kế hoạch năm theo từng theo PTTB (nhóm PTTB)

### 7.2 Tiêu thức phân bổ chi phí kiểm định trang thiết bị sản xuất

❖ Phân bổ chi phí kiểm định cho một đơn vị hàng hóa như sau:

$$\text{CP kiểm định PTTB cho một đvhh} = \frac{\text{CP kiểm định KH theo PTTB(nhóm PTTB)}}{\text{Sản lượng KH theo PTTB(nhóm PTTB)}}$$

#### ➤ Trong đó:

- +) Chi phí kiểm định kế hoạch PTTB (nhóm PTTB) được xác định dựa trên tổng chi phí kiểm định kế hoạch của từng PTTB (hoặc toàn bộ PTTB trong nhóm)

+) Sản lượng kế hoạch theo PTTB (nhóm PTTB) được xác định như sau:

$$\text{Sản lượng TH năm trước theo nhóm PTTB} \times \frac{\text{Tổng sản lượng KH}}{\text{Tổng sản lượng TH năm trước}}$$

## **8. Chi phí bảo hiểm phương tiện, thiết bị**

### **8.1 Nguyên tắc xác định chi phí bảo hiểm trang thiết bị**

Căn cứ vào chi phí mua bảo hiểm từng thiết bị theo hợp đồng mua bảo hiểm thiết bị, phương tiện tại các doanh nghiệp trong năm làm cơ sở xác định chi phí bảo hiểm cho PTTB/Nhóm PTTB.

- +) Chi phí bảo hiểm PTTB kế hoạch năm
- +) Thống kê sản lượng mặt hàng thực hiện năm trước liền kề của theo PTTB (nhóm PTTB)
- +) Tỷ lệ sản lượng mặt hàng kế hoạch năm
- +) Tổng sản lượng thực hiện năm trước liền kề
- +) Sản lượng kế hoạch năm theo từng theo PTTB (nhóm PTTB)

### **8.2 Tiêu thức phân bổ chi phí bảo hiểm trang thiết bị**

❖ **Phân bổ chi phí bảo hiểm cho một đơn vị hàng hóa như sau:**

$$\text{CP bảo hiểm cho một đvhh} = \frac{\text{CP bảo hiểm KH theo PTTB(nhóm PTTB)}}{\text{Sản lượng KH theo PTTB(nhóm PTTB)}}$$

➤ **Trong đó:**

+) Sản lượng kế hoạch theo PTTB (nhóm PTTB) được xác định như sau:

$$\text{Sản lượng TH năm trước PTTB(nhóm PTTB)} \times \frac{\text{Tổng sản lượng KH}}{\text{Tổng sản lượng TH năm trước}}$$

## **III. Chi phí giá thành cơ sở hạ tầng**

### **1. Chi phí khấu hao cầu bến**

#### **1.1 Nguyên tắc xác định chi phí khấu hao cầu bến**

Thời gian khấu hao theo quy định tại “*Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”. Xác định chi phí khấu hao cầu bến/năm đảm bảo thực hiện trích khấu hao theo đúng các quy định.

- +) Xác định doanh thu cầu bến (dựa trên sản lượng năm trước so với sản lượng kế hoạch)
- +) Xác định tỷ lệ doanh thu bóc xếp đầu ngoài
- +) Chi phí khấu hao cầu bến cho hoạt động bóc xếp
- +) Tổng sản lượng kế hoạch thông qua cảng

#### **1.2 Tiêu thức phân bổ chi phí khấu hao cầu bến cho một đơn vị hàng hóa**

$$\text{CP khấu hao cầu bến cho đvhh} = \frac{\text{CP khấu hao cầu bến KH hoạt động bốc xếp}}{\text{Tổng sản lượng KH thông qua}}$$

➤ **Trong đó:**

+) Chi phí khấu hao cầu bến kế hoạch hoạt động bốc xếp xác định như sau:

$$\text{Chi phí khấu hao cầu bến kế hoạch} \times \frac{\text{Doanh thu bốc xếp đầu ngoài}}{\text{Doanh thu bốc xếp đầu ngoài} + \text{Doanh thu cầu bến}}$$

## 2. Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (cầu bến...)

### 2.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê cơ sở hạ tầng

- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng bao gồm cầu bến, kho hàng, bến bãi, các công trình phụ trợ đi kèm tại khu vực đang thuê.

- Cơ sở xác định chi phí thuê cơ sở hạ tầng: căn cứ vào hợp đồng/thỏa thuận cung cấp dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng (cầu bến, kho bãi, ...) giữa 2 bên theo đơn giá thuê hoặc thuê trọn gói

- Tổng sản lượng kế hoạch thông qua cầu bến thuê

### 2.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê cơ sở hạ tầng

❖ **Tiêu thức phân bổ trọn gói giá thuê hạ tầng (cầu, bến...) quy định tại hợp đồng:**

$$\text{CP thuê cầu bến cho một đvhh} = \frac{\text{Chi phí thuê cầu bến kế hoạch}}{\text{Tổng sản lượng KH thông qua cầu bến thuê}}$$

❖ **Tiêu thức phân bổ theo đơn giá/đơn vị hàng hóa:**

Thực hiện theo đơn giá thuê/đơn vị hàng hóa quy định tại hợp đồng thuê hạ tầng (cầu, bến ...)

## 3. Chi phí thuê hạ tầng (đường cho xe vận tải đi qua)

### 3.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê hạ tầng

Chi phí thuê hạ tầng là chi phí được xác định khi sử dụng hạ tầng giao thông của các khu công nghiệp; khu chế xuất; khu vực tự xây dựng ... để có thể vào được khu vực cảng.

Giá dịch vụ được xác định theo bảng giá của nhà cung cấp đề ra và biến động theo thời điểm.

### 3.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê hạ tầng

❖ **Tiêu thức phân bổ theo trọn gói giá thuê hạ tầng (đường cho xe vận tải đi qua) quy định tại hợp đồng**

$$\text{CP thuê hạ tầng cho một đvhh} = \frac{\text{CP thuê hạ tầng kế hoạch}}{\text{Tổng sản lượng kế hoạch thông qua hạ tầng}}$$

#### ❖ Tiêu thức phân bổ theo đơn giá

Thực hiện theo đơn giá thuê/đơn vị hàng hóa quy định tại hợp đồng thuê hạ tầng (*đường cho xe vận tải đi qua*)

#### 4. Chi phí nạo vét

##### 4.1. Nguyên tắc xác định chi phí nạo vét

+) Xác định chi phí nạo vét kế hoạch thông qua việc khảo sát, ước tính và căn cứ vào số thực hiện năm liền kề.

+) Xác định tỷ lệ doanh thu bốc xếp đầu ngoài

+) Chi phí nạo vét cho hoạt động bốc xếp

+) Tổng sản lượng kế hoạch thông qua cảng

##### 4.2 Tiêu thức phân bổ chi phí nạo vét cho một đơn vị hàng hóa

$$\text{Chi phí nạo vét cho một đvhh} = \frac{\text{Chi phí nạo vét kế hoạch cho hoạt động bốc xếp}}{\text{Tổng sản lượng kế hoạch thông qua}}$$

#### ➤ Trong đó:

+) Chi phí nạo vét kế hoạch hoạt động bốc xếp xác định như sau:

$$\text{Chi phí nạo vét kế hoạch} \times \frac{\text{Doanh thu bốc xếp đầu ngoài}}{\text{Doanh thu bốc xếp đầu ngoài} + \text{Doanh thu cầu bến}}$$

#### 5. Chi phí thuê mặt nước

##### 5.1 Nguyên tắc xác định chi phí thuê mặt nước

+) Theo hợp đồng thuê đất với Cơ quan quản lý tại địa phương

+) Theo thông báo nộp tiền thuê đất hằng năm của Cơ quan thuế để xác định đơn giá thuê mặt nước (*đơn giá thuê mặt nước áp dụng theo quy định của từng địa phương*)

+) Xác định Doanh thu cầu bến dựa trên sản lượng năm trước so với sản lượng kế hoạch

+) Tỷ lệ Doanh thu bốc xếp đầu ngoài

+) Chi phí thuê mặt nước cho hoạt động bốc xếp

+) Tổng sản lượng kế hoạch thông qua cảng

##### 5.2 Tiêu thức phân bổ chi phí thuê mặt nước hoạt động bốc xếp cho một đơn vị hàng hóa

$$\text{CP thuê mặt nước hđ bốc xếp cho một đvhh} = \frac{\text{CP thuê mặt nước KH cho hđ bốc xếp}}{\text{Tổng sản lượng kế hoạch thông qua}}$$

➤ **Trong đó:**

+) Chi phí thuê mặt nước kế hoạch cho hoạt động bốc xếp được xác định như sau:

$$\text{Chi phí thuê mặt nước kế hoạch} \times \frac{\text{Doanh thu bốc xếp đầu ngoài}}{\text{Doanh thu bốc xếp đầu ngoài} + \text{Doanh thu cầu bến}}$$

#### **IV. Chi phí chi phí sản xuất kinh doanh chung**

##### **1. Nguyên tắc xác định**

Chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm các chi phí nằm ngoài các chi phí nêu trên, danh mục chi phí sản xuất chung có thay đổi tùy theo phân loại chi phí của từng đơn vị khác nhau. Một số các khoản chi phí thuộc nhóm chi phí sản xuất kinh doanh chung được thống kê theo sau:

<b>Danh mục chi phí sản xuất chung</b>			
1	Chi phí ăn ca	10.9	Mua và thay thế TB tin học
2	Tiền điện bộ phận gián tiếp sxkd	11	Văn phòng phẩm
3	Lệ phí rác thải	12	Mua chè, gạo, muối phục vụ công nhân
4	Dịch vụ môi trường, trục vớt cứu hộ	13	Chất thải nguy hại
5	Nước	14	Các dự án, thủ tục môi trường
6	Thuê bảo vệ	15	Thưởng sáng kiến
7	Bảo hộ lao động	15.1	Chi phí kiểm tra - đánh giá - cấp chứng chỉ ISO
8	Kinh phí đào tạo	15.2	Chi phí dịch vụ thuê ngoài
9	Thuế môn bài	15.3	Thuê công nhân vệ sinh môi trường
10	Chi phí công nghệ thông tin	15.4	Thuê phần mềm/ thiết bị CNTT
10.1	Cước điện thoại	15.5	Dv giao nhận tờ khai, làm thủ tục hải quan
10.2	Truyền hình cáp	15.6	Thuê ngoài khác (Hoa hồng môi giới và DV tạo việc làm; chi phí giám định; quỹ hỗ trợ việc làm; lương thuê ngoài, thuốc y tế viện phí, thuê ngoài khác...)
10.3	Cước đường truyền dữ liệu cáp, leasedline	16	Trang thiết bị PCCC
10.4	Phần mềm khai hải quan đt	17	Chi khác

10.5	Phí sử dụng, bảo trì kênh tuyên truyền từ CN tới chi cục Hải quan	17.1	Mua sắm, phân bổ thiết bị, CCDC (Mua sắm, phân bổ đồ dùng, CCDC, TBQL; Mua sắm, phân bổ thiết bị CNTT; DV cán bộ y tế thường trực)
10.6	Phí chuyển phát nhanh	17.2	Chi phí di dời phương tiện
10.7	Phí tần số vô tuyến điện, VHF	17.3	Chi khác.....
10.8	Trang TB thay thế HT camera giám sát hiện trường, camera hành trình và hệ thống quản lý giám sát NL trên ô tô		

**Ghi chú:** Danh mục chi phí sản xuất chung có thay đổi tùy theo phân loại chi phí của từng đơn vị khác nhau

Chi phí sản xuất kinh doanh chung bao gồm nhiều khoản mục chi phí sử dụng chung cho nhiều tác nghiệp, mặt hàng nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ trong một tác nghiệp xếp dỡ hàng hoá do vậy chi phí này được xác định trên nguyên tắc như sau:

+) Tỷ lệ phân bổ chi phí sản xuất chung là A% (Tỷ lệ chi phí sản xuất chung cho từng loại mặt hàng, xác định qua dữ liệu thống kê 3 năm liền kề tại các đơn vị)

## 2. Tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất kinh doanh chung

$$A\% = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung}}{\text{Tổng chi phí tại mục I + II + III}}$$

## **CHƯƠNG 3: CƠ SỞ DỮ LIỆU SỐ HÓA MODULE GIÁ THÀNH HÀNG HÓA CẢNG BIỂN**

### **A. GIỚI THIỆU MODULE GIÁ THÀNH**

Module giá thành được tập hợp trên phần mềm kế toán của doanh nghiệp thực hiện tính toán giá thành được kết nối với phần mềm quản trị doanh nghiệp là một nền tảng công nghệ thông tin hoạt động trên computer, laptop hoặc smartphone.... Cung cấp các tính năng cho phép kết nối thông tin để tự động tính giá thành sản xuất kinh doanh cho từng phương án tác nghiệp xếp dỡ đảm bảo tối ưu nhất và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Giá thành là công cụ hỗ trợ doanh nghiệp kiểm soát và quản lý chi phí sản xuất kinh doanh hiệu quả, xây dựng đơn giá bán hàng, xây dựng kế hoạch hàng năm, giúp nâng cao hiệu quả cạnh tranh các dịch vụ của doanh nghiệp với một dịch vụ tương tự của đối thủ và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

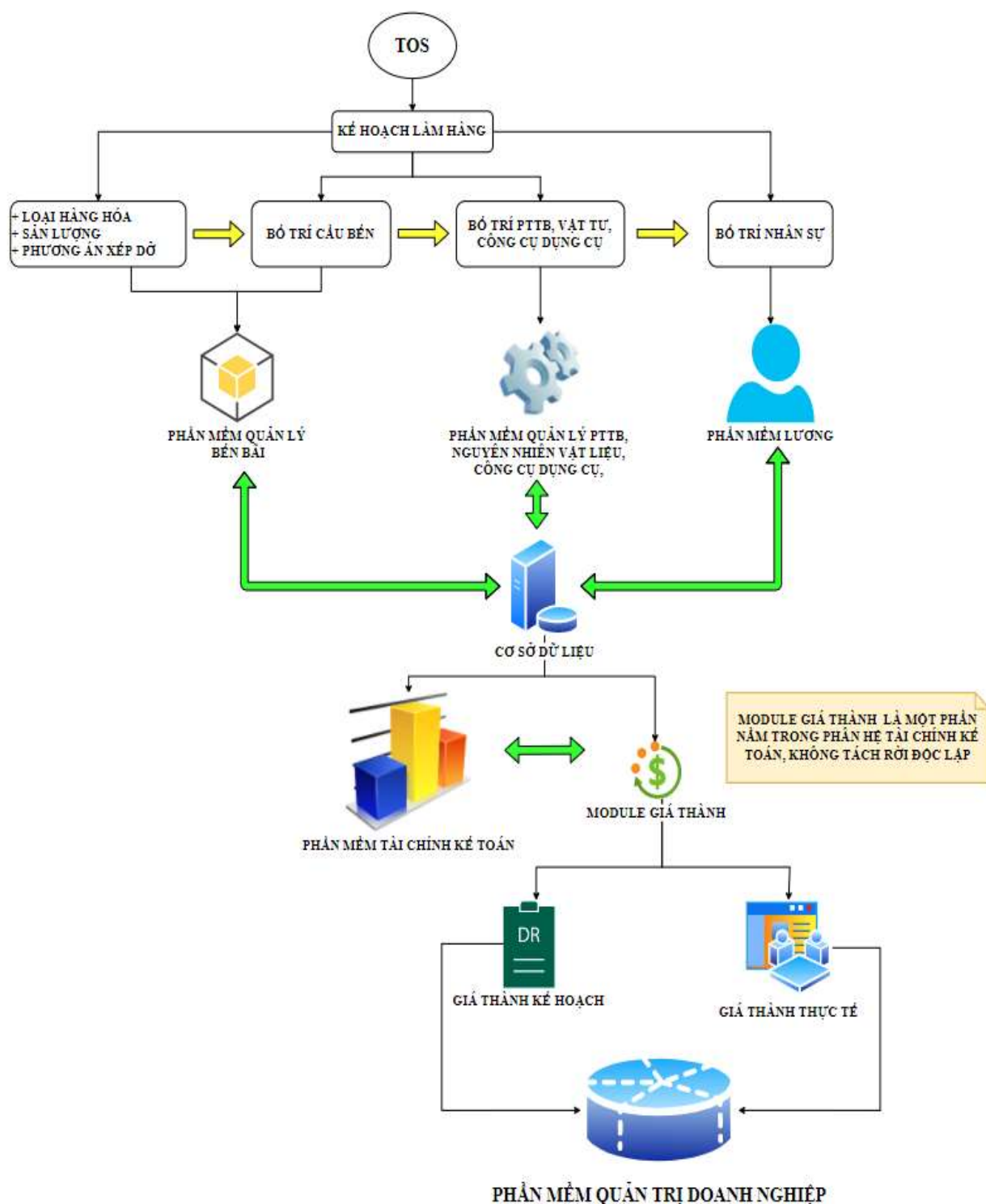
Số liệu được liên kết và dữ liệu kế thừa từ các phân hệ phần mềm. Thiết bị, tài sản, vật tư công cụ sản xuất sẽ được mã hóa giúp cho luồng dữ liệu chạy xuyên suốt từ đầu đến cuối hoạt động sản xuất và thống kê chi tiết, giúp doanh nghiệp tập hợp đầy đủ chi phí giá thành tránh việc bỏ sót chi phí khi xác định giá thành.

Cơ sở dữ liệu được tập hợp trên các phần mềm như sau:

1. Phần mềm khai thác hàng hóa
2. Phần mềm quản lý phương tiện thiết bị, công cụ, vật tư sửa chữa
3. Phần mềm tính lương
4. Phần mềm kế toán (module giá thành)
5. Phần mềm quản trị doanh nghiệp

❖ **Sơ đồ mô tả số hóa modul giá thành(realtime)**





## B. TÍNH NĂNG THIẾT LẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU TRÊN CÁC PHẦN MỀM

### I. Phần mềm khai thác hàng hóa

Phần mềm khai thác hàng hóa bao gồm hàng container và hàng ngoài container. Các tính năng thiết lập trên phần mềm khai thác hàng hóa là cơ sở dữ liệu đầu nguồn đối với hoạt



động sản xuất kinh doanh và kết nối dữ liệu sang phần mềm quản lý phương tiện thiết bị, công cụ vật tư sửa chữa, phần mềm tiền lương từ đó phần mềm tài chính kế toán sẽ được thừa hưởng dữ liệu từ phần mềm khai thác xác định các khoản chi phí trực tiếp liên quan đến giá thành cho từng tác nghiệp xếp dỡ.

<b>1</b>	<b>Lập kế hoạch làm hàng theo ca/ngày</b>
1.1	Kế hoạch cầu bến và tiếp nhận tàu ( <i>Thời gian tàu cập/ rời cầu, thời gian shifting tàu; buộc còi dây tàu</i> )
1.2	Kế hoạch bố trí phương tiện, thiết bị, công cụ vật tư sản xuất theo phương án tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa
1.3	Kế hoạch bố trí nhân công tham gia sản xuất theo phương án tác nghiệp xếp dỡ hàng hóa
<b>2</b>	<b>Thống kê dữ liệu liên quan đến phương tiện, thiết bị, công cụ vật tư thực hiện trong dây chuyền sản xuất (PTTB, CCVT phải được mã hóa)</b>
2.1	Thời gian hoạt động phương tiện thiết bị, công cụ vật tư
2.2	Sản lượng/phương tiện thiết bị, công cụ vật tư
2.3	Định mức năng suất phương tiện thiết bị, công cụ vật tư
<b>3</b>	<b>Xác nhận phiếu công tác/phiếu năng suất cho nhân công tham gia dây chuyền sản xuất (<i>Theo dõi đến từng nhân công khai thác theo phương án tác nghiệp</i>)</b>
<b>4</b>	<b>Xác nhận phiếu nhiên liệu/điện năng tiêu hao phương tiện thiết bị tham gia sản xuất (<i>Thời gian hoạt động thiết bị, nhiên liệu tiêu hao</i> )</b>
<b>5</b>	<b>Kết toán hàng hóa TOS (<i>Thống kê và lập kết toán hàng hóa, chuyển dữ liệu để thực hiện lên hóa đơn chuyển qua phần mềm TCKT để xuất hóa đơn</i>)</b>

## II. Phần mềm tiền lương

Phần mềm tiền lương được thừa hưởng dữ liệu sản lượng từ phần mềm khai thác hàng hóa TOS thông qua phiếu năng suất/phiếu công tác điện tử đối với từng nhân công theo từng phương án tác nghiệp đối với từng mặt hàng tương ứng với định mức đơn giá lương đã được công ty ban hành, áp dụng kết nối dữ liệu sang phần mềm tài chính kế toán từ đó tính toán được chính xác chi phí nhân công.

Tính năng cơ bản cần thiết lập trên phần mềm tiền lương như sau:

<b>1</b>	Dữ liệu lương định mức theo đơn giá lương từng phương án tác nghiệp, thừa hưởng dữ liệu phiếu năng suất/phiếu công tác điện tử từ phần mềm khai thác hàng hóa xác định chi phí cho từng nhân công khối trực triếp, gián tiếp sản xuất kinh doanh
----------	--

2	Dữ liệu được liên kết trực tiếp với phần mềm chấm công, tính lương, tính theo công ngày, làm việc để tính toán được chính xác chi phí nhân công quản lý
3	Theo dõi, cập nhật hệ số bổ sung như lương hiệu quả công việc, nguồn lương...
4	Theo dõi các khoản trích theo lương (KPCĐ, bảo hiểm, thuế TNCN)
5	Bảng lương: Theo các dữ liệu đầu vào, phần mềm tính lương sẽ tính toán lương hiệu quả, lương bổ sung theo từng nhân viên, tổng hợp thành bảng lương hàng tháng.
6	Các báo cáo quản trị tiền lương khác theo nhu cầu của người quản lý.

### III. Phần mềm quản lý phương tiện thiết bị, công cụ, vật tư sửa chữa, nguyên nhiên liệu

Việc xác định chi phí liên quan đến PTTB, công cụ, vật tư sửa chữa nguyên nhiên liệu... nên xây dựng trong một phần mềm tổng thể và được chia làm nhiều module: module sửa chữa bảo dưỡng, module nhiên liệu, module vật tư, công cụ dụng cụ... tất cả các module sẽ kết nối với nhau dựa trên mã từng phương tiện thiết bị, vật tư, đối với công cụ có thể phân theo nhóm, mã thiết bị, công cụ vật tư này cần được thống nhất trong tất cả các phân hệ phần mềm, phần mềm khai thác hàng hóa, phần mềm kế toán....

Xây dựng phần mềm phù hợp với điều kiện và đặc thù của từng đơn vị, phần mềm được xây dựng phải có tính nhất quán, đồng bộ và dữ liệu có tính kế thừa.

Phần mềm quản lý phương tiện thiết bị, công cụ, vật tư sửa chữa có thể kế thừa sản lượng/ thời gian hoạt động của phương tiện từ phần mềm khai thác hàng hóa dữ liệu kế thừa bao gồm (thống kê thời gian hoạt động, sản lượng theo mặt hàng, nhiên liệu, điện năng tiêu hao trên từng phương tiện thiết bị, công cụ vật tư) kết hợp với đơn giá bán bình quân của nhà cung cấp phát sinh trong kỳ sẽ xác định được chi phí liên quan đến phương tiện thiết bị, công cụ vật tư sản xuất.

Tính năng cơ bản cần thiết lập trên phần mềm quản lý phương tiện thiết bị, công cụ, vật tư sửa chữa như sau:

1	<b>Quản lý phương tiện thiết bị ( mỗi phương tiện đều đã được mã hóa và mang tính duy nhất)</b>
1.1	Quản lý được thông tin phương tiện thiết bị: +) Thông số kỹ thuật +) Năm sản xuất +) Hãng sản xuất +) Thời gian đăng kiểm

	+) Lý lịch PTTB +) Giờ hoạt động...
1.2	Cập nhật kế hoạch và thực hiện theo dõi sửa chữa, bảo dưỡng theo các quy trình đã được ban hành tại Cảng.
1.3	Thống kê, trích xuất báo cáo đối với từng PTTB +) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng +) chi phí nguyên nhiên vật liệu, đăng kiểm... +) Sản lượng, giờ hoạt động... hàng tháng, quý hoặc năm.
<b>2</b>	<b>Quản lý công cụ xếp dỡ, vật tư sửa chữa được cấp phát phục vụ kế hoạch làm hàng</b>
2.1	Quản lý thông tin công cụ vật tư: +) Mã công cụ vật tư hoặc mã nhóm công cụ, vật tư +) Tên công cụ vật tư hoặc tên nhóm công cụ, vật tư +) Ngày giờ xuất nhập kho và sản lượng thực hiện. +) Số lượng +) Giá trị...
2.2	Báo cáo tồn kho theo yêu cầu: +) Thống kê lượng công cụ tồn kho, số lượng, sản lượng (thời gian sử dụng), cảnh báo công cụ cần loại bỏ hàng tháng, hàng năm cho từng loại PTTB +) Chức năng cảnh báo khi số lượng vật tư tồn kho gần hết thay thế theo định mức (theo chu kỳ sử dụng).

#### IV. Phần mềm kế toán (Module giá thành)

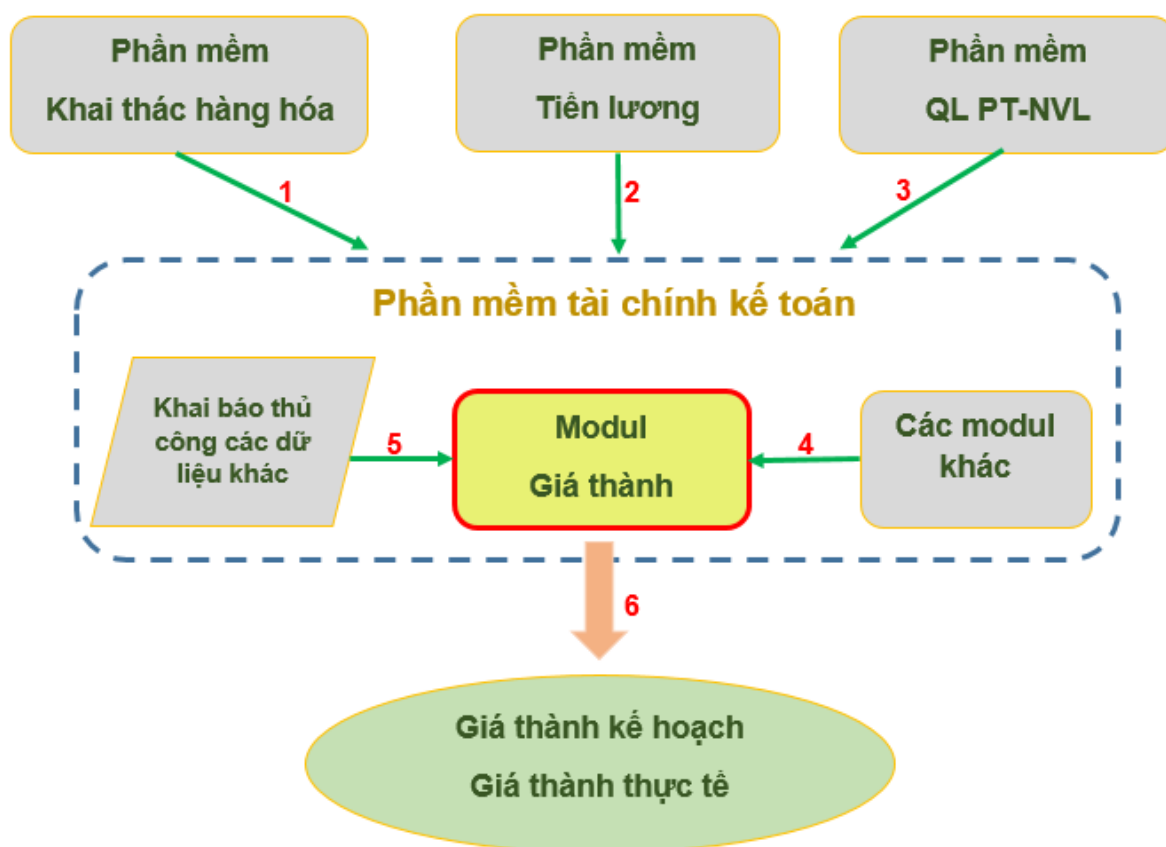
Module giá thành được tập hợp trên phần mềm kế toán thiết kế hỗ trợ các tiện ích kết nối dữ liệu từ phần mềm khai thác hàng hóa; phần mềm quản lý phương tiện thiết bị, công cụ vật tư sửa chữa; phần mềm tính lương; phần mềm quản trị doanh nghiệp để tự động tính giá thành kế hoạch và giá thành thực hiện cho các phương án tác nghiệp.

##### 1. Tính năng cơ bản cần thiết lập đối với Modul giá thành

<b>1</b>	<b>Nhập liệu – khai báo các thông tin phục vụ việc tính giá thành</b>
<b>2</b>	<b>Tính toán giá thành thực hiện</b>
<b>3</b>	<b>Tính toán giá thành kế hoạch năm</b>
<b>4</b>	<b>Cung cấp các báo cáo quản trị về giá thành:</b>
4.1	Báo cáo chi phí phát sản xuất phát sinh trong kỳ
4.2	Báo cáo giá thành theo từng phương án tác nghiệp xếp dỡ
4.3	Báo cáo giá thành tổng hợp các phương án tác nghiệp xếp dỡ
4.4	Báo cáo giá thành theo loại hàng hóa hoặc theo từng tàu.....

4.5	Báo cáo phân tích giá thành theo từng yếu tố chi phí sản xuất
4.6	Báo cáo so sánh giá thành thực tế và kế hoạch
4.7	Báo cáo biến động giá thành qua các kỳ
4.8	Báo cáo kết quả kinh doanh theo từng phương án tác nghiệp
4.9	Báo cáo khác....

## 2. Quy trình hoạt động của modul giá thành:



➤ **Ghi chú:** Các bước từ (1) tới (4) là bước chuyển dữ liệu thực hiện kế thừa từ các phần mềm - modul khác, được thực hiện đồng bộ tự động; Bước (5) thực hiện khai báo thủ công vào cuối mỗi tháng; Bước (6) phần mềm tự động tính toán, cập nhật khi có thay đổi.

### (1) Kết nối và chuyển dữ liệu từ phần mềm khai thác sang phần mềm kế toán – modul giá thành:

- Sản lượng và doanh thu thực hiện theo từng mặt hàng, phương án làm hàng (kể cả doanh thu cầu phí, doanh thu kho bãi).

Mã phương án	Tên phương án làm hàng	Mã mặt hàng	Tên mặt hàng	Sản lượng thực hiện	Doanh thu thực hiện
.....	.....	.....	.....	.....	.....

 <b>VIMC</b> TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM	Mã số : CB 03 Ban hành : 01 Hiệu lực : 01/10/2023
---	---

- Sản lượng thực hiện khai thác theo từng phương tiện thiết bị trực tiếp (Cầu bờ, RTG, RS, Xe đầu kéo, Xe nâng, Băng chuyên...)

Mã PTTB	Tên PTTB	Mã nhóm PTTB	Tên nhóm PTTB	Đơn vị	Sản lượng khai thác
.....	.....	.....	.....	.....	.....

**(2) Kết nối và chuyển dữ liệu từ phần mềm tính lương sang phần mềm kế toán – modul giá thành:**

- Đơn giá lương sản phẩm theo từng phương án làm hàng.

Mã phương án	Tên phương án làm hàng	Đơn vị tính (vnd/tấn hoặc vnd/cont)	Đơn giá nhân công					
			Lái cầu QCC	Lái cầu RTG	Lái xe nâng	Chỉ đạo	Tín hiệu	CNBX
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....

- Chi tiết chi phí lương bao gồm lương hiệu quả, lương sản phẩm.

Loại nhân công	Nhóm nhân công	Mã nhân viên	Tên nhân viên	Lương sản phẩm	Lương hiệu quả
<b>Khối sản xuất chung</b>					
Lái cầu CC		....	....	....	....
Lái RTG		....	....	....	....
CNBX		....	....	....	....
....		....	....	....	....
<b>Khối quản lý</b>		....	....	....	....
....	....	....	....	....	

- Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của khối trực tiếp (biểu mẫu dữ liệu tương tự chi phí lương)

**(3) Kết nối và chuyển dữ liệu từ phần mềm quản lý phương tiện – Nguyên vật liệu sang phần mềm kế toán – modul giá thành:**

- Định mức nhiên liệu, điện năng tiêu thụ theo từng phương tiện thiết bị.

Mã PTTB	Tên PTTB	Nhóm PTTB	Sản lượng thực hiện	Định mức tiêu thụ	
				Nhiên liệu (lít/tấn)	Điện năng (kwh/tấn)
.....	.....	.....	.....	.....	.....

**(4) Thừa hưởng các dữ liệu từ các modul khác trong phần mềm tài chính kế toán:**

- Chi phí khấu hao, sửa chữa, bảo hiểm, phí kiểm định theo từng tài sản, bao gồm các trường dữ liệu: Mã và tên tài sản; Loại chi phí (Giá vốn, Quản lý); Nhóm phương tiện thiết bị (QCC, LB, RS, RTG, Xe nâng, Băng chuyền, Kho bãi, Cầu bến, TS phục vụ khai thác chung...); Giá trị thực hiện trong tháng.

Mã tài sản	Tên tài sản	Mã nhóm tài sản	Tên nhóm tài sản	Đơn vị	Giá trị chi phí thực hiện
<b>Chi phí khấu hao</b>					
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Chi phí sửa chữa</b>					
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Chi phí bảo hiểm tài sản</b>					
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>Chi phí kiểm định tài sản</b>					
.....	.....	.....	.....	.....	.....

- Chi phí nạo vét thực hiện trong tháng: số tổng
- Chi phí thuê mặt nước trong tháng: số tổng
- Chi phí thuê phương tiện, cơ sở hạ tầng khác.

Mã thuê ngoài	Tên nguồn lực thuê ngoài	Loại thuê (trộn gói/đơn giá)	Đơn giá thuê	Nhóm mặt hàng phục vụ	Giá trị thuê thực hiện trong tháng
.....	.....	.....	.....	.....	.....

- Các chi phí giá vốn phân bổ chung khác, bao gồm các trường: Loại chi phí, Nhóm các mặt hàng cần phân bổ; Giá trị thực hiện trong tháng.

Stt	Loại chi phí	Các mặt hàng cần phân bổ	Giá trị thực hiện trong tháng
<b>1</b>	<b>Chi phí nguyên vật liệu</b>	.....	.....
1.1	Nguyên liệu, phụ tùng	.....	.....
1.2	Công cụ dụng cụ	.....	.....
<b>2</b>	<b>Chi phí nhân công cho khối sản xuất chung</b>	.....	.....
2.1	Lương	.....	.....
2.2	BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ	.....	.....
2.3	Giữa ca	.....	.....
<b>3</b>	<b>Chi phí cho các tài sản dùng cho sản xuất chung</b>	.....	.....
3.1	Chi phí khấu hao	.....	.....
3.2	Chi phí sửa chữa	.....	.....
3.3	Chi phí bảo hiểm tài sản	.....	.....

3.4	Chi phí kiểm định	.....	.....
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	.....	.....
4.1	Dịch vụ bảo vệ, vệ sinh	.....	.....
4.2	Bảo hiểm con người	.....	.....
4.3	Thuế và tiền thuê đất	.....	.....
4.4	Khác	.....	.....

**(5) Khai báo thủ công các dữ liệu cần thiết khác cho quá trình tính toán giá thành:**

(5.1) Các dữ liệu phục vụ tính giá thành kế hoạch (giá trị theo năm):

- Dữ liệu kế hoạch về sản lượng – doanh thu theo từng phương án tác nghiệp.
- Dữ liệu chi phí kế hoạch:

Mã chi phí	Tên chi phí	Phân loại	Giá trị		
			Chi phí trực tiếp	Chi phí phân bổ	Tổng cộng
.....	.....	.....	.....	.....	.....

- Dữ liệu về tài sản:

Mã tài sản	Tên tài sản	Phân loại theo nhóm	Giá trị			
			Khấu hao	Sửa chữa	Bảo hiểm	Kiểm định
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....

- Dữ liệu về nhân công
- + Các thông số về chi phí nhân công và hệ số điều chỉnh.

Nhóm nhân công trực tiếp	Hệ số K1	Lương cơ bản kế hoạch	Lương bảo hiểm kế hoạch	Tỷ lệ chi phí bảo hiểm	Tỷ lệ KPCĐ
Lái cầu QCC	.....	.....	.....	.....	.....
Lái cầu RTG	.....	.....	.....	.....	.....
Lái xe nâng	.....	.....	.....	.....	.....
Lái xe cơ giới	.....	.....	.....	.....	.....
Kiểm viên	.....	.....	.....	.....	.....
Chỉ đạo	.....	.....	.....	.....	.....
CNBX	.....	.....	.....	.....	.....

*Trong đó: hệ số K1 - hệ số điều chỉnh cho tỷ lệ Chi phí lương hiệu quả/lương sản phẩm.*

- Dữ liệu sản lượng kế hoạch theo từng PTTB.
- Dữ liệu về định mức tiêu thụ nhiên liệu – điện năng kế hoạch.
- Dữ liệu về đơn giá nhiên liệu – điện năng kế hoạch.



- Hệ số điều chỉnh tỷ lệ chi phí phân bổ chung (K3)

(5.2) Các dữ liệu phục vụ tính giá thành thực tế (nhập liệu hàng tháng):

- Dữ liệu về đơn giá thực hiện bình quân của nhiên liệu – điện năng (giá trị này có thể được lấy tự động từ phần mềm kế toán).

**(6) Xử lý dữ liệu, tính toán – phân bổ giá thành theo từng phương án tác nghiệp**

- Bước này được thực hiện tự động hoàn toàn từ phần mềm dựa trên dữ liệu đầu vào đã được input tự động/thủ công ở bước (1) tới (5) ở trên.

- Dữ liệu đầu ra là giá thành kế hoạch năm, giá thành thực hiện theo kỳ tương ứng với từng mặt hàng, phương án tác nghiệp.

- Chi tiết cách thức tính toán dựa trên các công thức, phương pháp đã được xác định ở Chương 2

**V. Phần mềm quản trị doanh nghiệp**

Kết nối với module giá thành trên phần mềm kế toán để xem các báo cáo quản trị về giá thành:

1. Báo cáo chi phí phát sản xuất phát sinh trong kỳ
2. Báo cáo giá thành theo từng phương án tác nghiệp xếp dỡ
3. Báo cáo giá thành tổng hợp các phương án tác nghiệp xếp dỡ
4. Báo cáo giá thành theo loại hàng hóa hoặc theo từng chuyến tàu....
5. Báo cáo phân tích giá thành theo từng yếu tố chi phí sản xuất
6. Báo cáo so sánh giá thành thực tế và kế hoạch
7. Báo cáo biến động giá thành qua các kỳ
8. Báo cáo kết quả kinh doanh theo từng phương án tác nghiệp
9. Báo cáo khác....

## **PHỤ LỤC**

### **I. Phụ lục 01 : Báo cáo giá thành chi tiết theo từng phương án xếp dỡ theo mặt hàng**



Công ty CP Cảng ....

**BÁO CÁO GIÁ THÀNH CHI TIẾT THEO TỪNG PHƯƠNG ÁN XẾP DỠ/MẶT HÀNG**

Mặt hàng: .....

Phương án: .....

STT	Nội dung	Thông số tính toán			Giá thành đơn vị (Đồng/tấn)	Giá thành đơn vị (Đồng/cont)
		ĐVT	Giá trị (số lượng....)	Đơn giá		
<b>I</b>	<b>Chi phí nhân công sản xuất</b>					
1	Lương định mức	Đồng				
	<b><u>Định biên nhân sự:</u></b>	Người				
1.1	<i>Vị trí định biên theo quy trình xếp dỡ TCT ban hành</i>	người				
....	....	người				
2	Lương hiệu quả	VND				
	<i>Tỷ lệ lương hiệu quả/lương định mức</i>	%				
3	Chi phí nhân công thuê ngoài	Đồng				
4	Chi phí công đoàn trích theo lương	Đồng				
5	Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	Đồng				
<b>II</b>	<b>Chi phí phương tiện thiết bị</b>					
1	Chi phí khấu hao thiết bị	Đồng				
1.1	Nhóm cầu bờ	cầu				
	...	cầu				
1.2	Nhóm cầu RTG	cầu				
	...	cầu				
1.3	Nhóm xe nâng	xe				
	...	xe				
1.4	Nhóm xe đầu kéo romooc	xe kéo				
	...	xe kéo				
2	Chi phí nhiên liệu (xăng, dầu)	Lít				
2.1	Nhóm cầu bờ	Lít				
	....	Lít				
2.2	Nhóm cầu RTG	Lít				
	...	Lít				
2.3	Nhóm xe nâng	Lít				
	...	Lít				
2.4	Nhóm xe đầu kéo	Lít				
	...	Lít				
3	Chi phí điện năng	kwh				
3.1	Cầu bờ	kwh				
	...	kwh				
3.2	Cầu RTG	kwh				
	...	kwh				
4	Chi phí sửa chữa	Đồng				
4.1	Sửa chữa lớn	Đồng				
4.2	Sửa chữa nhỏ	Đồng				
5	Chi phí đăng kiểm, kiểm định thiết bị	Đồng				
6	Chi phí thuê phương tiện, thiết bị	Đồng				
7	Chi phí bảo hiểm phương tiện, thiết bị	Đồng				
8	Chi phí công cụ dụng cụ, vật tư làm hàng	Đồng				
<b>III</b>	<b>Chi phí cơ sở hạ tầng</b>	Đồng				
1	Chi phí khấu hao cầu bến	Đồng				
2	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng (cầu bến...)	Đồng				
3	Chi phí nạo vét	Đồng				
4	Tiền thuê mặt nước	Đồng				
5	Chi phí thuê hạ tầng (đường cho xe vận tải đi qua)	Đồng				
<b>IV</b>	<b>Chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động</b>	Đồng				
	<b>TỔNG CỘNG</b>	Đồng				

## II. Phụ lục 02 Báo cáo tổng hợp giá thành theo các phương án tác nghiệp xếp dỡ phân loại mặt hàng

Công ty CP Cảng ....

### BÁO CÁO TỔNG HỢP GIÁ THÀNH THEO CÁC PHƯƠNG ÁN TÁC NGHIỆP XẾP DỠ/MẶT HÀNG

STT	Phương án xếp dỡ	Mặt hàng	CHI PHÍ NHÂN CÔNG					CHI PHÍ PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ														CHI PHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG					CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG	GIÁ THÀNH TÁC NGHIỆP	
			Lương		nhân công thuê ngoài	Công đoàn phí	Bảo hiểm xh, yt, tn	Chi phí khấu hao thiết bị				Chi phí nhiên liệu (xăng, dầu)				Chi phí điện năng		Chi phí sửa chữa		Thuê ngoài phương tiện thiết bị	Bảo hiểm phương tiện thiết bị	Công cụ, vật tư làm hàng	Khấu hao cầu bến	Thuê cơ sở hạ tầng		Nạo vét			Thuê mặt nước
			Định mức	Hiệu quả				Nhóm cầu bờ	Nhóm cầu RTG	Nhóm xe nâng	Nhóm xe đầu kéo romooc	Nhóm cầu bờ	Nhóm cầu RTG	Nhóm xe nâng	Nhóm xe đầu kéo romooc	Cầu QCC	Cầu ERTG	Sửa chữa lớn	Sửa chữa nhỏ					Đáng kiểm, kiểm định	Cầu bến				
1	Tàu -> Cản trục -> Xe vận chuyển -> RTG/RS -> Bãi	Container																											
1.1	Tàu -> Cản trục -> Xe vận chuyển -> RTG/RS -> Bãi (cont hàng)	Cont hàng																											
1.2	Tàu -> Cản trục -> Xe vận chuyển -> RTG/RS -> Bãi (cont rỗng)	Cont rỗng																											
...	...	.....																											
...	...	.....																											
2	....	Hàng sắt thép																											
...	...	.....																											
3	...	Hàng dăm gỗ																											
...	...	.....																											
4	...	Hàng gỗ cây																											
...	...	.....																											